

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 6420 : 1998

**VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP –
THUỐC NỔ AMONIT AD-1 – YÊU CẦU KỸ THUẬT**

Industrial explosive matter - Amonit explosion AD-1 – Specifications

HÀ NỘI - 1998

Lời nói đầu

TCVN 6420 : 1998 do Tiểu ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC 27/SC “Vật liệu nổ công nghiệp” biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đề nghị và được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.

Vật liệu nổ công nghiệp – Thuốc nổ amonit AD-1 – Yêu cầu kỹ thuật

Industrial explosive matter – Amonit explosion AD-1 – Specifications

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho thuốc nổ amonit ký hiệu AD-1, dạng thỏi, dùng trong sản xuất công nghiệp và các mục đích dân dụng khác.

2 Tiêu chuẩn trích dẫn

- TCVN 4586 : 1997 Vật liệu nổ công nghiệp – Yêu cầu an toàn về bảo quản, vận chuyển và sử dụng.
- TCVN 6421 : 1998 Vật liệu nổ công nghiệp – Xác định khả năng sinh công bằng cách đo sức nén trụ chì.
- TCVN 6422 : 1998 Vật liệu nổ công nghiệp – Xác định tốc độ nổ.
- TCVN 6423 : 1998 Vật liệu nổ công nghiệp – Xác định khả năng sinh công bằng bom chì (phương pháp Trauzel).
- TCVN 6425 : 1998 Vật liệu nổ công nghiệp – Xác định khoảng cách truyền nổ.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Quy cách sản phẩm

Sản phẩm thuốc nổ amonit AD-1 sau khi phối trộn được đóng thành thỏi. Qui cách thỏi thuốc được qui định trong bảng 1.

Bảng 1 - Qui cách cỡ thuốc nổ AD-1

Đường kính (ϕ) mm	Chiều dài (L) mm	Khối lượng (m) g
32	250	200 ± 5
60	350	$1\,000 \pm 25$
90	310	$2\,000 \pm 50$
120	265	$3\,000 \pm 75$
140	200	$3\,000 \pm 75$
160	250	$5\,000 \pm 125$

3.2 Thành phần thuốc nổ amonit AD -1

Thuốc nổ amonit AD -1 được phối trộn từ các thành phần theo tỷ lệ ghi trong bảng 2.

Bảng 2 - Thành phần thuốc nổ AD -1

Thành phần	Tỷ lệ phối trộn, %
Trinitrôtoluen (TNT)	14
Amôni nitrat (NH_4NO_3)	82
Bột gỗ	4

3.3 Đặc tính kỹ thuật

Sản phẩm thuốc nổ amonit AD -1 phải đạt các đặc tính kỹ thuật ghi trong bảng 3.

Bảng 3 - Đặc tính kỹ thuật thuốc nổ amonit AD -1

Tên chỉ tiêu	Mức	Phương pháp thử
1) Mật độ, g/cm ³		—
Mật độ rắn	0,80 ÷ 0,85	
Mật độ dạng thỏi	1,05 ÷ 1,15	
2) Hàm lượng ẩm, %	≤ 0,3	—
3) Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	340 ÷ 360	TCVN 6423:1998
4) Sức nén trụ chì, mm	14,0 ÷ 16,0	TCVN 6421:1998
5) Tốc độ nổ, m/s	3 600 ÷ 4 200	TCVN 6422:1998
6) Khoảng cách truyền nổ, cm	4 ÷ 7	TCVN 6425:1998
7) Độ nhạy va đập, %	≤ 32	—
8) Thời hạn bảo hành, tháng	≥ 6	—

4 Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

4.1 Mỗi thỏi thuốc được gói bằng giấy chống ẩm (giấy tráng parafin) sau đó các thỏi được để trong túi chất dẻo, buộc kín rồi đựng trong hòm gỗ hoặc hòm các tông cứng.

4.2 Trên bao giấy mỗi thỏi phải in nhãn có nội dung :

- tên sản phẩm;
- tên đơn vị sản xuất;
- ngày sản xuất;
- thời hạn bảo quản;
- người kiểm tra.

4.3 Ghi nhãn trên hòm, bảo quản và vận chuyển thuốc theo các qui định trong TCVN 4586 : 1997.